TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 410/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 566/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Chị V.B.T,** sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3 T, phường Q, quận Đ, Thành phố H; Chỗ ở: Thôn K, xã P, huyện P, Thành phố H.

- **Anh H.H.T,** sinh năm 1987; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3 T, phường Q, quận Đ, Thành phố H; Chỗ ở: Số 16 C, phường Q, quận Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V.B.T và anh H.H.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân phường Q, quận Đ, Thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, mỗi người một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T và anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị V.B.T và anh H.H.T xác nhận có hai con chung là cháu H.P.L (nữ), sinh ngày 04/9/2013 và cháu H.G.B (nam), sinh ngày 23/5/2015. Ly hôn, anh chị thoả thuận chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.P.L và anh Thảo trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.G.B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Chị V.B.T và anh H.H.T không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị V.B.T và anh H.H.T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị V.B.T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị V.B.T và anh H.H.T.

- Về con chung: Xác nhận chị V.B.T và anh H.H.T có hai con chung là cháu H.P.L(nữ), sinh ngày 04/9/2013 và cháu H.G.B (nam), sinh ngày 23/5/2015. Giao cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.P.L và anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.G.B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị V.B.T và anh H.H.T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

- Về nợ: Chị V.B.T và anh H.H.T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị V.B.T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00014553 ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My